

Tác động của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương đối với Việt Nam

Ngô Văn Vũ¹, Nguyễn Thùy Dương², Phạm Văn Nghĩa³

¹ Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: ngovu68@gmail.com

² Trường Chính trị tỉnh Bắc Kạn.

Email: thuyduongtct@gmail.com

³ Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Email: phamnghia2008@gmail.com

Nhận ngày 9 tháng 11 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 1 năm 2019.

Tóm tắt: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực vào ngày 14-1-2019 đối với Việt Nam. Việt Nam là quốc gia thứ 7 tiếp sau 6 nước đầu tiên phê chuẩn CPTPP và có hiệu lực từ ngày 30-12-2018, là Mexico, Nhật Bản, Singapore, New Zealand, Canada và Australia. CPTPP tạo nên một khu vực kinh tế tự do rộng lớn, với phạm vi thị trường khoảng 500 triệu người, quy mô lớn chiếm 13,5% tổng sản phẩm nội địa (GDP) toàn cầu. Sau khi CPTPP đi vào thực thi, nền kinh tế Việt Nam sẽ chịu những tác động nhiều chiều, cả tích cực và tiêu cực. Điểm tác động tiêu cực nổi lên là về môi trường pháp lý, thể chế; về cạnh tranh, thương mại hàng hoá; về tài chính ngân hàng; về mở cửa thị trường mua sắm công.

Từ khóa: Hội nhập quốc tế, hiệp định thương mại tự do, CPTPP.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: The Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) officially came into force on 14 January 2019 for Vietnam. Vietnam is the 7th country approving CPTPP, which took effect for the first six other countries (Mexico, Japan, Singapore, New Zealand, Canada, and Australia) on 30 December 2018. This agreement creates a huge free economic region with a market scope of 500 million people and covers 13.5% of the global Gross Domestic Product (GDP). After the enactment of CPTPP, the Vietnamese economy will experience multi-dimensional impacts, both positive and negative. The outstanding negative impacts involve the legal and institutional environment, competition, commodity trade, banking and finance, and the opening of the public procurement market.

Keywords: International integration, free trade agreement, CPTPP.

Subject classification: Economics

1. Đặt vấn đề

Tháng 2 năm 2016, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP- Trans Pacific Strategic Economic Partnership Agreement) chính thức được ký kết giữa 12 nước thành viên gồm: Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Mỹ và Việt Nam. Cuối năm 2016, sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump đắc cử, theo chính sách mới của Donald Trump, Mỹ đã chính thức rút khỏi hiệp định này. Sau khi Mỹ rút khỏi TPP, 11 nước còn lại đã tiếp tục thúc đẩy và đạt được thoả thuận ký kết hiệp định TPP-11 vào ngày 8-3-2018 tại thành phố Santiago (Chile), đồng thời thống nhất tên mới cho hiệp định là CPTPP. Về cơ bản, CPTPP giữ nguyên các nội dung cốt lõi của TPP. Tuy nhiên, CPTPP có hơn 20 nội dung bị tạm hoãn so với TPP (chủ yếu là các cam kết cứng rắn về sở hữu trí tuệ mà Mỹ là quốc gia đề xuất trước đây). Cụ thể, có 11/20 điều khoản liên quan đến sở hữu trí tuệ, bảo vệ chặt chẽ quyền lợi của người sở hữu sáng chế. CPTPP sẽ hoãn việc yêu cầu các nước thành viên thay đổi luật và thông lệ của mình để bảo vệ các dược phẩm mới, bao gồm cả chế phẩm sinh học, không bị cạnh tranh bởi các thuốc gốc. CPTPP cũng đình chỉ quy định về gia hạn thời hạn bản quyền trong những trường hợp do sự chậm trễ của cơ quan cấp bằng hoặc những trì hoãn bất hợp lý trong việc cấp bản quyền, cũng như cấp phép nhập khẩu một loại dược phẩm nào đó vào các nước thành viên. Các nước thành viên của CPTPP sẽ không cần phải gia hạn thời gian bảo hộ bản quyền từ 50 lên 70 năm. Ngoài ra, CPTPP còn bổ sung các quy định về quy trình rút lui, gia nhập, rà soát lại CPTPP

trong tương lai (để tạo tính linh hoạt của CPTPP và có thể sẵn sàng cho những đợt kết nạp thành viên mới). Trên thực tế, các nước như Anh, Trung Quốc và Hàn Quốc được cho là đang xem xét việc gia nhập CPTPP. Trong số 11 nước tham gia CPTPP, Việt Nam là quốc gia có trình độ phát triển kinh tế gần như thấp nhất (ở đây có những nước phát triển đỉnh cao như: Nhật Bản, Singapore, Australia, New Zealand...). Việt Nam có nền kinh tế thị trường còn ở mức sơ khai, thiếu kinh nghiệm tổ chức, quản lý một nền kinh tế đầy đủ; đặc biệt, trình độ khoa học và công nghệ của Việt Nam cũng đang ở vị trí thấp trong số các nước CPTPP. Tuy nhiên, gia nhập CPTPP là dấu mốc mới và hết sức quan trọng đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu và sẵn sàng cạnh tranh sòng phẳng với các nước thành viên khác. Bài viết phân tích những cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam khi CPTPP có hiệu lực; đề xuất một số giải pháp đối với Việt Nam.

2. Những cơ hội

CPTPP mang tính toàn diện, bao trùm các nguyên tắc về thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ và nhiều chủ đề khác. CPTPP sẽ tạo áp lực lên cải cách môi trường đầu tư, kinh doanh, mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp (DN) phát triển, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, CPTPP sẽ thúc đẩy cải cách thể chế, hoàn thiện môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp. CPTPP có những điều kiện tiêu chuẩn cao về mặt thể chế, chất lượng quản lý nhà nước cũng như khuôn khổ pháp luật. Việc tham gia CPTPP sẽ góp phần cải cách môi trường thể chế, hướng tới các

“luật chơi” quốc tế. Đây là điều kiện cần thiết cho tăng trưởng, mang lại động lực tích cực để phát triển đất nước. Cải cách thể chế sẽ giúp cho toàn xã hội thúc đẩy được khả năng cạnh tranh, huy động và sử dụng tốt nhất những nguồn lực sẵn có ở trong nước và tận dụng tốt hơn các nguồn lực bên ngoài. CPTPP sẽ giúp khuyến khích và thúc đẩy cải cách trong nước ở nhiều lĩnh vực như dịch vụ, hải quan, thương mại điện tử, mua sắm chính phủ, sở hữu trí tuệ, đầu tư, các vấn đề pháp lý, tiếp cận thị trường cho hàng hóa, quy tắc xuất xứ, các biện pháp phi thuế quan... Thông qua thành viên của CPTPP (là các nước có nền kinh tế phát triển cao, hệ thống pháp luật hoàn chỉnh), Việt Nam sẽ học tập, trao đổi kinh nghiệm để hoàn thành hệ thống pháp luật, cũng như việc quản lý, điều hành nền kinh tế thị trường. Theo đó, CPTPP sẽ thúc đẩy Việt Nam tái cơ cấu nền kinh tế; đổi mới và sắp xếp lại DN nhà nước; đẩy mạnh cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính; tạo sự liên thông giữa các bộ, ngành để nâng cao tính cạnh tranh của môi trường kinh doanh, thúc đẩy kết nối và hợp tác giữa các DN trong nước với các DN nước ngoài.

Thứ hai, CPTPP sẽ tạo động lực tăng trưởng kinh tế. Đầu tư trực tiếp (FDI) của các nước trong khối CPTPP, nhất là các nhà đầu tư của các nước lớn như: Nhật Bản, Australia, New Zealand, Canada, Mexico sẽ tiếp tục chảy vào Việt Nam. Với việc tiếp nhận ngày càng gia tăng FDI, Việt Nam sẽ có cơ hội để cải thiện sự phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân; đồng thời mở rộng các ngành, lĩnh vực mà Việt Nam có nhu cầu phát triển. Đây cũng là cơ hội để các DN Việt Nam, nhất là các tập đoàn kinh tế lớn, tìm kiếm thị trường đầu tư tại các nước thành viên khác.

Theo nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, với CPTPP Việt Nam sẽ đạt được lợi ích không nhỏ từ xuất khẩu với tổng mức tăng thêm về kim ngạch hơn 4%, tương đương khoảng 4 tỷ USD. Việc tăng xuất khẩu sẽ chủ yếu ở nội khối với tốc độ tăng xuất khẩu sang các nước trong CPTPP thêm 14,3% (giả định lũy tiến đến năm 2035), tương đương 2,61 tỷ USD, trong khi xuất khẩu sang các quốc gia ngoài CPTPP sẽ tăng thêm 1,7% (tương đương 1,4 tỷ USD) [12]. Như vậy, thực thi CPTPP khiến thị trường xuất khẩu của Việt Nam mở rộng và tận dụng được lợi thế với các thị trường mà trước đây Việt Nam chưa có thỏa thuận Hiệp định thương mại tự do (FTA) như Canada, Mexico, Peru.

Thứ ba, CPTPP sẽ tạo cơ hội kinh doanh mới và mở rộng thị trường cho DN Việt Nam. Ngay sau khi CPTPP có hiệu lực, các nước thành viên đã xóa 66% mặt hàng thuế nhập khẩu đưa về 0% và 86,5% mặt hàng về 0% sau 3 năm theo lộ trình. Điều này sẽ tạo ra cơ hội kinh doanh mới cho DN, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường khổng lồ các nước nội khối như: Nhật Bản, Australia, New Zealand, Canada...

Với mức độ cam kết sâu về cắt giảm thuế quan, CPTPP sẽ mang lại lợi ích cho nhiều ngành sản xuất của Việt Nam, nhất là cho ngành dệt may và da giày. Chẳng hạn, với thị trường Canada, toàn bộ hàng dệt may của Việt Nam được xóa bỏ ngay vào thời điểm CPTPP có hiệu lực. Theo thống kê của Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex), kim ngạch nhập khẩu hàng dệt may của Canada năm 2017 đạt 13,86 tỷ USD; trong khi nhập khẩu từ Việt Nam chỉ được 814 triệu USD, chiếm 5,9% thị phần. Kim ngạch nhập khẩu dệt may của

Australia năm 2017 đạt 9,01 tỷ USD, trong khi nhập khẩu từ Việt Nam chỉ có 256 triệu USD, chiếm 2,8% thị phần. Như vậy, dệt may Việt Nam có rất nhiều cơ hội để mở rộng xuất khẩu [5, tr.2]. CPTPP cũng là cơ hội để các DN xuất khẩu da giày tăng tỷ trọng, tăng cơ hội xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng mà Việt Nam chưa có FTA như Mexico, Canada, Peru... Riêng với Nhật Bản, một trong những thị trường chủ lực của ngành xuất khẩu da giày, xuất khẩu túi xách của Việt Nam có thể tăng trưởng trung bình 20-35%/năm. Nếu các DN Việt Nam biết tận dụng chặt chẽ các điều khoản từ CPTPP thì mức tăng trưởng này sẽ còn cao hơn hiện tại. Thủy sản là một trong các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Trong CPTPP, mặt hàng thủy sản (trừ cá ngừ đóng hộp, cá viên) có xuất xứ Việt Nam sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc sau 3 năm. Vì vậy, mặt hàng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sẽ đạt được mức tiếp cận thị trường khá tốt sang khu vực này.

3. Những thách thức

Thứ nhất, về khung khổ pháp luật, thể chế. CPTPP đòi hỏi một môi trường kinh doanh minh bạch và có tính cạnh tranh cao. Để thực thi cam kết trong CPTPP, Việt Nam sẽ phải điều chỉnh, sửa đổi một số quy định pháp luật về thương mại, hải quan, sở hữu trí tuệ, lao động... Thực tế cho thấy, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế những năm gần đây, Việt Nam đã tích cực hoàn thiện khung pháp lý, sửa đổi, bổ sung một số đạo luật mới, quan trọng như: Luật Cạnh tranh (năm 2004), Luật Thương mại (năm 2005), Luật Sở hữu trí tuệ (năm 2005), Luật Đàm

phán ký kết và Gia nhập các điều ước quốc tế (năm 2005), Luật Luật sư (2006, sửa đổi năm 2012), Luật Phá sản (năm 2014), Luật Doanh nghiệp (2014), Luật Đầu tư (2014)... Nhưng việc triển khai các luật này vẫn còn chậm so với yêu cầu đặt ra và chưa thực sự đáp ứng các yêu cầu cao của hội nhập quốc tế nói chung và tham gia CPTPP nói riêng. Hệ thống các quy định của Việt Nam nhìn chung chưa phát triển bằng những hệ thống quy định của các nước khác là thành viên CPTPP. Do đó, việc đưa hệ thống quy định lên một mức tương xứng với các bên khác là một thách thức [9, tr.5-6].

Một vấn đề dễ nhận thấy trong cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thời gian qua là, nhiều điều kiện kinh doanh cũng như các giấy phép đã được chính phủ tiến hành cắt giảm liên tục. Các thủ tục hành chính cũng được đơn giản hóa hơn đáng kể, song dường như tất cả chưa đủ để tạo cú hích cho DN. Như vậy, vấn đề ở đây không phải là đo đếm số lượng giấy phép hoặc điều kiện kinh doanh được cắt giảm, mà mấu chốt là vấn đề vận hành, yếu tố con người để thay đổi thể chế thực sự, chứ không phải là hình thức cắt giảm đơn thuần.

Thứ hai, về cạnh tranh, thương mại hàng hóa. Với việc tham gia CPTPP, nền kinh tế Việt Nam sẽ chịu sức ép cạnh tranh rất lớn, bởi hàng hóa của 10 nước còn lại, nhất là những sản phẩm công nghệ cao của các nước Nhật Bản, Australia, Canada sẽ tràn vào Việt Nam. Trong lĩnh vực nông nghiệp, Việt Nam là một quốc gia có thế mạnh, song ở một số ngành nghề, sản phẩm hàng hóa (như ngành chăn nuôi lợn, gia cầm; các mặt hàng xuất khẩu nông sản, khoáng sản...) chưa tốt, giá thành sản phẩm cao hơn các nước thành viên CPTPP. Có tình trạng này là do quy mô

sản xuất hàng hóa nhỏ lẻ, năng suất lao động thấp, áp dụng tiến bộ khoa học hạn chế, phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu. Đây là một thách thức không hề nhỏ mà Việt Nam sẽ phải đối mặt.

Theo đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, mức độ nhập khẩu hàng hóa tăng thêm từ các nước trong CPTPP là không lớn, mà chủ yếu tăng thêm nhập khẩu từ các nước không tham gia CPTPP. Việt Nam sẽ vẫn tiếp tục phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu từ một số nước truyền thống như Trung Quốc và Hàn Quốc. Điều này có thể làm cho Việt Nam sẽ không được hưởng lợi nhiều vì quy định nguồn gốc xuất xứ trong CPTPP. Trên thực tế, dệt may được cho là ngành có lợi thế, nhưng nguyên liệu thường không đảm bảo đủ điều kiện về quy tắc xuất xứ. Do vậy, các DN Việt Nam phải sớm chuyển đổi các nguồn nguyên liệu đang nhập từ các nước mà không phải quốc gia trong khối để chuyển thành sản xuất nguyên liệu ngay tại trong nước hoặc nhập của các quốc gia trong nội khối CPTPP.

Thực hiện cam kết của CPTPP, điểm đáng chú ý là sự gia tăng nhanh chóng luồng hàng nhập khẩu từ các nước CPTPP vào Việt Nam với giá cạnh tranh, trong khi rào cản kỹ thuật của Việt Nam chưa có hoặc không cao. Do đó, hàng hóa trên thị trường nội địa sẽ gặp bất lợi. Ví dụ, trên thị trường Việt Nam hiện nay đang có nhiều loại gạo chất lượng cao của Thái Lan, Nhật Bản chiếm lĩnh thị phần [9, tr.6]. Đối với những mặt hàng chủ lực như dệt may và da giày xuất khẩu, CPTPP yêu cầu các nước thành viên phải đáp ứng quy định về chứng minh xuất xứ nội khối, không sử dụng các nguyên liệu của nước thứ ba ngoài thành viên CPTPP. Ví dụ, ngành dệt may của Việt Nam là ngành xuất khẩu chủ lực, nhưng 75%

nguyên vật liệu nhập từ Trung Quốc. Do công nghiệp phụ trợ của Việt Nam chưa phát triển nên rất nhiều ngành sản xuất khác của Việt Nam cũng ở trong hoàn cảnh tương tự không được hưởng ưu đãi thuế quan.

Thứ ba, về thu ngân sách, hoạt động của hệ thống ngân hàng, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện cam kết của CPTPP, Việt Nam phải cắt giảm thuế nhập khẩu, điều đó tuy sẽ làm giảm thu ngân sách, nhưng sẽ không tác động đột ngột do trong khối CPTPP có đến 7/10 nước đã ký FTA với Việt Nam (chỉ còn 3 nước là Canada, Mexico và Peru là chưa có FTA với Việt Nam, nhưng thương mại còn khiêm tốn). Tham gia CPTPP, mặc dù có những giới hạn nhất định cho việc mở cửa thị trường ngân hàng, nhưng các điều kiện để tiếp cận thị trường trong lĩnh vực này sẽ dần được xoá bỏ. Đây có thể được coi như một thách thức của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Hệ thống ngân hàng Việt Nam tuy đã có những tiến bộ, nhưng vẫn còn yếu kém (nợ xấu còn nhiều, năng lực quản lý thấp, quản trị rủi ro tại các ngân hàng còn nhiều bất cập...). Tính đến đầu năm 2016, cả nước có 9.673 chi nhánh và phòng giao dịch ngân hàng thương mại. Hệ thống máy ATM, máy chấp nhận thanh toán thẻ (POS), các kênh Internet banking, Mobile banking được các ngân hàng chú trọng phát triển. Tuy vậy, nếu so sánh với một số nước trong khu vực và trên thế giới nói chung thì khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam còn chưa cao, mức độ phân bố các chi nhánh và phòng giao dịch chưa đồng đều.

Về thu ngân sách nhà nước (NSNN), trong các năm vừa qua đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên, cơ cấu thu NSNN chưa thực sự bền vững. Nguồn thu trong

nước tăng chậm do hiệu quả nền kinh tế còn thấp; nguồn thu NSNN chưa thực sự bắt nguồn từ kết quả sản xuất - kinh doanh, từ hiệu quả chuyển dịch kinh tế. Một số khoản thu không ổn định như thu từ bán dầu thô, thu thuế xuất nhập khẩu, thu từ đất... làm cho thu NSNN nhạy cảm với tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới và giá dầu thô trên thị trường quốc tế. Mặt khác, công tác quản lý, điều hành thu NSNN còn bất cập, tồn tại tình trạng trốn thuế, lậu thuế, thất thu thuế.

Trong năm 2018, hoạt động của ngành ngân hàng đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Tuy nhiên, nhìn nhận một cách khách quan, việc tái cơ cấu còn chậm, biểu hiện ở kết quả của việc xử lý nợ xấu chưa thực chất. Các chuyên gia kinh tế cho rằng, để tái cơ cấu hiệu quả, cả hệ thống ngân hàng phải hoạt động rất lành mạnh, minh bạch, tuân thủ nghiêm các quy định của luật pháp, từ đó cho ra đời những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng chuẩn mực. Thời gian vừa qua, trong hệ thống ngân hàng đã xảy ra một số vụ việc khiến dư luận bức xúc như, khách hàng bị mất tiền trong tài khoản hay những vụ lừa đảo mà cán bộ, nhân viên ngân hàng có liên quan... Những điều đó chứng tỏ việc tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam vẫn còn chậm chạp. Bên cạnh đó, vấn đề quản trị rủi ro tại các ngân hàng trong nước còn nhiều bất cập. Một số ngân hàng có năng lực quản lý yếu kém, vi phạm các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro. Chất lượng tài sản của hệ thống ngân hàng diễn biến theo chiều hướng tiêu cực. Nhiều ngân hàng có tỷ lệ vốn thấp, thậm chí có ngân hàng còn thấp hơn tỷ lệ quy định của Ngân hàng Nhà nước là 9%. Theo ước tính, hệ số an toàn vốn của toàn hệ thống ngân hàng chỉ đứng ở mức 8,5%, con số khá thấp so với các

nước trong khu vực như Trung Quốc (11%), Thái Lan (15,7%), Philipines (15,2%) [9, tr.7].

Tiến bộ trong quá trình tái cơ cấu, nhất là trong ngành ngân hàng và DN nhà nước là không đồng đều. Đề án cổ phần hóa, thoái vốn DN đối với các bộ ngành, DN nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong giai đoạn 2016-2020 là rất rõ. Theo kế hoạch đặt ra, năm 2018 phải hoàn thành cổ phần hóa 85 DN (bao gồm 21 DN thuộc danh mục năm 2017 chuyển sang và 64 DN thuộc danh mục năm 2018). Tuy nhiên, đến hết năm 2018 mới cổ phần hóa được 19 DN (trong đó có 3 DN: Công ty Môi trường đô thị An Giang, Công ty Truyền hình cáp, Công ty Thương mại dầu khí Đồng Tháp thuộc danh mục cổ phần hóa năm 2018). Tiến độ thoái vốn nhà nước tại DN diễn ra rất chậm so với kế hoạch. Theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg thì năm 2017 có 135 DN phải thực hiện thoái vốn, nhưng chỉ thoái vốn được 17 DN. Năm 2018 có 181 DN phải thực hiện thoái vốn, nhưng đến hết năm mới thực hiện được 10 DN [1, tr.7]. Theo báo cáo của Bộ Tài chính cho biết, trong 2 tháng đầu năm 2019 chưa có DN nào được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa và chưa có DNNN nào thực hiện thoái vốn. Trong khi đó, theo kế hoạch năm 2019 phải cổ phần hóa xong 18 DNNN và thực hiện thoái vốn tại 62 DN [13]. Một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước chậm là ở chỗ, người đứng đầu DN phải cổ phần hóa cũng như các cơ quan đại diện chủ sở hữu tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chưa làm đúng chỉ đạo của Chính phủ về cổ phần hóa, thoái vốn DN nhà nước; chưa chủ động theo thẩm quyền hoặc tham mưu, đề

xuất với Thủ tướng Chính phủ để tháo gỡ các vướng mắc, bất cập trong cổ phần hóa, thoái vốn; còn tâm lý chờ đợi để chuyển giao nhiệm vụ cho Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại DN.

Thứ tư, về mở cửa thị trường mua sắm công. Đối với Việt Nam, việc mở cửa thị trường mua sắm công (hay mua sắm Chính phủ) là hoàn toàn mới, chỉ đến thời điểm tham gia đàm phán và ký kết CPTPP và FTA với Liên minh Châu Âu (EU) mới xuất hiện. Tuy nhiên, trên bình diện quốc tế, các FTA thế hệ mới đều gắn liền với việc mở cửa thị trường mua sắm công.

Theo CPTPP, các quy tắc, quy trình trong quá trình lựa chọn nhà thầu phải ở mức độ yêu cầu cao về tính công bằng, công khai, minh bạch. Việt Nam sẽ phải tổ chức lựa chọn nhà thầu trong khối nước tham gia CPTPP (đấu thầu nội khối) hoặc đấu thầu quốc tế cho phép các nước CPTPP tham dự thầu. Chủ đầu tư có nghĩa vụ đối xử với nhà thầu, hàng hóa Việt Nam và nhà thầu, hàng hóa của các nước thành viên nội khối CPTPP một cách công bằng.

Đối với các DN Việt Nam, việc mở cửa thị trường mua sắm công sẽ gây ra những tác động bất lợi do sự thâm nhập của các nhà thầu nước ngoài khiến các nhà thầu nội địa không cạnh tranh nổi; ngược lại, khả năng tiếp cận và thắng thầu của các nhà thầu nội địa trên thị trường mua sắm công của các đối tác CPTPP là hầu như không có, do hạn chế về năng lực cạnh tranh. Về lâu dài, nếu DN Việt Nam không chịu đổi mới, vươn lên, vẫn chờ đợi vào “quan hệ”, “dựa dẫm”, thì khả năng thắng thầu của các DN Việt Nam trong thị trường mua sắm công cũng sẽ bị thu hẹp, từ đó, công ăn việc làm, thị phần của DN trong nước sẽ bị giảm. Thách thức lớn nhất hiện

nay là tình trạng nhà thầu Việt Nam phải cạnh tranh sòng phẳng, làm ăn chân chính.

Thứ năm, về doanh nghiệp. CPTPP yêu cầu các chính phủ phải đối xử công bằng, cho phép các doanh nghiệp các nước thành viên CPTPP tham gia mua sắm hàng hóa, thực hiện các dịch vụ, hợp đồng xây dựng các dự án của chính phủ; đồng thời yêu cầu không được phân biệt đối xử với các doanh nghiệp nước ngoài, tạo sân chơi bình đẳng cho các loại hình DN. Đây là điều bất lợi lớn cho các DN Việt Nam khi các DN hoạt động sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả, không có đủ tiềm lực để cạnh tranh bình đẳng với các DN Nhật Bản, New Zealand, hay Australia.

Các nước thành viên CPTPP cam kết thực thi các yêu cầu cao về môi trường, lao động, cạnh tranh..., và các ràng buộc mang tính thủ tục trong các quy định liên quan đến rào cản kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ. Theo đó, cộng đồng DN phải đối mặt với hàng loạt sức ép (như bảo đảm các yêu cầu về xuất xứ nội khối và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; giảm mức thuế; vượt các hàng rào kỹ thuật và hệ thống vệ sinh và kiểm dịch thực vật; cạnh tranh và thu hẹp thị phần ngay trên sân nhà). Những ngành hàng xuất khẩu mà DN Việt Nam thực sự gặp khó khăn được cho là: thịt bò, thịt lợn, đường, thực phẩm chế biến, hóa phẩm tiêu dùng và ô tô.

Tham gia CPTPP, Việt Nam phải tiến hành tái cơ cấu thành công DN nhà nước. Những DN nào vẫn còn dựa vào sự bao cấp của Nhà nước, có công nghệ sản xuất và kinh doanh lạc hậu, sử dụng vốn và quản trị thiếu hiệu quả thì sẽ rơi vào tình trạng khó khăn (thậm chí phá sản), làm gia tăng số người thất nghiệp. Tuy nhiên, đây là tác động tiêu cực mang tính cục bộ, ngắn hạn.

Ngoài ra, nhân lực cũng là vấn đề tạo khó khăn cho DN. Quá trình thu hút đầu tư nước ngoài vào đầu tư, sản xuất tại Việt Nam sẽ tạo áp lực cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Những DN có hệ thống quản lý tốt, trang thiết bị hiện đại, tính chuyên môn hóa cao, ngang bằng với DN nước ngoài thì có thể trụ vững. Những DN yếu thế hơn sẽ bị cạnh tranh rất khốc liệt về lao động, bởi DN nước ngoài có chính sách ưu đãi, trả lương cao hơn để thu hút lao động có tay nghề, chuyên môn sang làm việc.

4. Giải pháp đối với Việt Nam

Một là, Nhà nước cần cụ thể hóa những quy định đã có trong Hiến pháp năm 2013 và rà soát lại hệ thống luật pháp để tiếp tục sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với những cam kết CPTPP (như Luật Thuế, Hải quan, Thương mại...); tiếp tục rà soát sự vận hành của các loại thị trường (thị trường lao động, đất đai, chứng khoán...), các nhân tố của sản xuất, kinh doanh bảo đảm vận hành đầy đủ, đồng bộ, gắn với các quy phạm pháp luật, tương thích với cam kết trong CPTPP. Chính phủ cần nỗ lực hơn nữa trong cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tạo cơ hội tốt để cộng đồng DN cùng đồng hành với Chính phủ, tham gia phản biện chính sách, cải cách thủ tục hành chính, luật hóa các cam kết... Những tiếng nói phản biện của DN sẽ giúp Chính phủ ngày càng hoàn thiện thể chế, chính sách; sẽ hỗ trợ tốt hơn cho cộng đồng DN. Hơn nữa, Chính phủ cần xây dựng một “chính phủ kiến tạo, hành động”, cấu trúc lại bộ máy cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu năng; tinh giản biên chế; nâng cao trình độ

chuyên môn của đội ngũ công chức; xây dựng đội ngũ công chức chuyên nghiệp, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế.

Hai là, Nhà nước cần đẩy mạnh thực hiện các cam kết cải cách, tái cơ cấu nền kinh tế, tập trung vào ba lĩnh vực trọng tâm: đầu tư công, tài chính, doanh nghiệp và tái cơ cấu nông nghiệp. Đây là một yêu cầu ngày càng cấp bách trong thời kỳ hội nhập. Nhà nước cần tiếp tục duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, phối hợp đồng bộ giữa chính sách tài khoá với chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá. Việt Nam cần thực hiện mở cửa có giới hạn các giao dịch vốn, thẩm định kỹ lưỡng các dự án sử dụng vốn nước ngoài, giám sát chặt chẽ sự chu chuyển của các dòng vốn ngắn hạn và các giao dịch vốn trên thị trường chứng khoán; cần thực hiện mở cửa từng bước thị trường vốn cho nhà đầu tư nước ngoài theo lộ trình hội nhập, đảm bảo dựa trên cam kết quốc tế và cần phù hợp với khả năng giám sát và quản lý nguồn vốn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài [2, tr.33]. DN nhà nước phải được thực hiện quyết liệt công tác tái cơ cấu, trong đó, hình thức cổ phần hóa và thoái vốn cần đẩy nhanh theo đúng lộ trình đã được phê duyệt, chú trọng tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược của các DN nhà nước. Bên cạnh đó, Nhà nước cần thúc đẩy hơn nữa thị trường trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu DN.

Ba là, Nhà nước cần đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến về CPTPP tới các doanh nghiệp, người dân trong từng ngành, từng lĩnh vực, để họ có nhận thức rõ và đầy đủ những nội dung đã được cam kết trong CPTPP. Cùng với việc đẩy mạnh tuyên truyền, Bộ Công Thương cần phối hợp với các tỉnh, thành phố trên toàn quốc thông tin về những cam kết CPTPP theo từng lĩnh

vực cụ thể. Trên cơ sở đó, người dân, cộng đồng doanh nghiệp sẽ chủ động xác định chiến lược, mục tiêu kinh doanh của mình, nhanh chóng thích nghi và đáp ứng yêu cầu đặt ra trong bối cảnh mới; đồng thời, sẽ lựa chọn các ngành, các sản phẩm quan trọng có ưu thế cạnh tranh để đẩy mạnh xuất khẩu và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn lớn trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Bốn là, Nhà nước cần có những giải pháp ứng phó với các tác động tiêu cực của CPTPP, cần chú trọng những ngành chủ lực, dễ bị ảnh hưởng nhất. Ví dụ, như đối với dệt may, cần phải phát triển ngành công nghiệp phụ trợ để giảm nhập khẩu nguyên liệu từ nước khác; với ngành thủy sản, cần nâng cao chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn đã cam kết; đối với DN nhà nước, cần có phương án hỗ trợ bảo hiểm, đào tạo nghề cho người lao động mất việc làm; đối với lĩnh vực lao động, cần tiếp tục cải thiện pháp luật lao động, phù hợp với thực trạng và tình hình phát triển của Việt Nam, đồng thời tiến dần tới các tiêu chuẩn quốc tế về lao động; hỗ trợ, giúp doanh nghiệp tiếp cận, tiếp thu và triển khai tốt các cam kết của CPTPP và xây dựng kế hoạch áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đào tạo chất lượng nguồn nhân lực cho từng lĩnh vực cụ thể và ở trình độ tương ứng.

Năm là, các DN Việt Nam cần tự đánh giá lại mình để tìm ra những ưu, khuyết điểm đã bộc lộ trong thời gian qua, đối chiếu với các điều kiện, tiêu chuẩn của CPTPP mà xác định rõ những vấn đề cần phải phát triển hoặc thu hẹp hoạt động một cách linh hoạt, phù hợp với từng doanh nghiệp, từng mặt hàng cụ thể. Doanh nghiệp cần chủ động đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị sản phẩm, xác lập

các liên kết từ sản xuất, phân phối đến tiêu dùng và xuất khẩu, hình thành các chuỗi cung ứng để có thể tạo được chỗ đứng vững chắc trong các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Để đáp ứng các yêu cầu về nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, các DN cần xây dựng kế hoạch chuyển hướng nhập khẩu nguyên vật liệu từ các nước nội khối CPTPP và xây dựng nhà máy sản xuất nguyên vật liệu của riêng mình thay vì nhập khẩu từ các nước không được hưởng ưu đãi của CPTPP. Đồng thời, DN cần phải chủ động đẩy mạnh nghiên cứu, đầu tư máy móc, trang thiết bị nhà xưởng, nâng cao năng lực quản trị, tận dụng các cơ hội để phát triển.

Sáu là, các DN cần chú trọng phát triển và đào tạo nguồn nhân lực; tiếp thu công nghệ khoa học - kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý tiên tiến của các nước khác. Đồng thời, DN cần chủ động tìm kiếm thông tin về các cam kết liên quan đến ngành và lĩnh vực hoạt động của mình; từ đó, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm một cách hiệu quả nhất.

Bảy là, DN cần phải xây dựng thương hiệu; nâng cao sức cạnh tranh và khả năng phát triển thị trường; xây dựng thương hiệu cho sản phẩm hàng hóa. Mặc dù Việt Nam có khá nhiều hàng hóa xuất khẩu lớn, nhưng ít có thương hiệu nổi tiếng hay đặc trưng cho Việt Nam. Một ví dụ khá sinh động như, Việt Nam là nước xuất khẩu gạo đứng hàng đầu thế giới, nhưng vẫn chưa có thương hiệu nổi tiếng, trong khi các thương hiệu gạo “Hương nhài - Jasmine”, gạo Basmati được gắn liền với các quốc gia sản xuất là Thái Lan, Ấn Độ và Pakistan trên thị trường thế giới.

Tám là, DN Việt Nam cần phải từ bỏ lối kinh doanh cũ, cải cách hoạt động của DN

mình cho phù hợp với xu thế của thời đại. CPTPP đặt ra những quy định rất khắt khe về môi trường, lao động hay bảo hộ sở hữu trí tuệ. Việc đổi mới đó cũng là xu hướng phát triển tất yếu của môi trường kinh doanh lành mạnh, văn minh trong thời đại ngày nay.

5. Kết luận

Việt Nam tham gia CPTPP đã thể hiện mạnh mẽ chủ trương tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, khẳng định vai trò và vị thế địa chính trị quan trọng của Việt Nam trên trường quốc tế. Hiện nay, CPTPP đã chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam. Tham gia CPTPP Việt Nam sẽ có cơ hội, nhưng gặp nhiều thách thức. Để đảm bảo thực thi CPTPP suôn sẻ và đạt hiệu quả tốt nhất, Việt Nam cần xây dựng một chương trình hành động cho CPTPP, kèm theo sự phân công cụ thể trong từng bộ, ngành. Đồng thời, cộng đồng DN Việt Nam cần nắm vững các cam kết trong lĩnh vực, ngành hàng của mình; đổi mới công nghệ; giảm chi phí sản xuất; nâng cao chất lượng sản phẩm; tăng sức cạnh tranh không chỉ ở thị trường xuất khẩu, mà còn ở thị trường trong nước; mở rộng hợp tác với các đối tác nước ngoài; tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị cung ứng toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp (2018), *Báo cáo tình hình sắp xếp, CPH, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN và phát triển DN 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2018*, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Quốc Dũng (2015), “Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP): Cơ hội và thách thức đối với kinh tế Việt Nam”, Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số 10.
- [3] Nguyễn Tấn Dũng (2016), “Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, cơ hội và thách thức - hành động của chúng ta”, Báo *Nhân dân*, ngày 16-2.
- [4] Hà Văn Hội (2015), “Tham gia TPP: Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu gạo của Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học - Đại học quốc gia Hà Nội*, số 1.
- [5] Việt Hoàn, Quý Đức Bình (2019), “Sẵn sàng khởi động CPTPP”, Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 14-1.
- [6] Lê Minh Thông (2014), *Hội thảo: Quốc hội với việc đàm phán, ký kết và thực hiện các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA)* (ngày 15/4), Hà Nội.
- [7] “TPP - Hiệp định thương mại tự do của thế kỷ 21”, Báo *Nhân Dân*, ngày 8-10-2015.
- [8] Anh Vũ (2015), “TPP - Cửa đã mở”, Báo *Nhân Dân*, ngày 19-10.
- [9] Ngô Văn Vũ, Lê Thị Thúy (2016), “Tham gia TPP: Thách thức và giải pháp đối với nền kinh tế Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4.
- [10] Ngô Văn Vũ (2018), “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10.
- [11] Mạnh Hùng, “Cơ hội và thách thức với Việt Nam sau khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực”, <http://tapchitaichinh.vn>, truy cập ngày 15/12/2018.
- [12] Thái Linh, “Tác động của CPTPP đến các ngành kinh tế”, <http://nhandan.com.vn>, truy cập ngày 15/12/2018.
- [13] Hà Anh, “Thu Ngân sách Nhà nước 2 tháng đạt 17,5% dự toán năm”, <http://www.cpv.org.vn>, truy cập ngày 8/3/2019.

